Tên: ……...

Lớp: S2…

Ngày làm bài: Thứ…., ngày…./….

Viết: ……

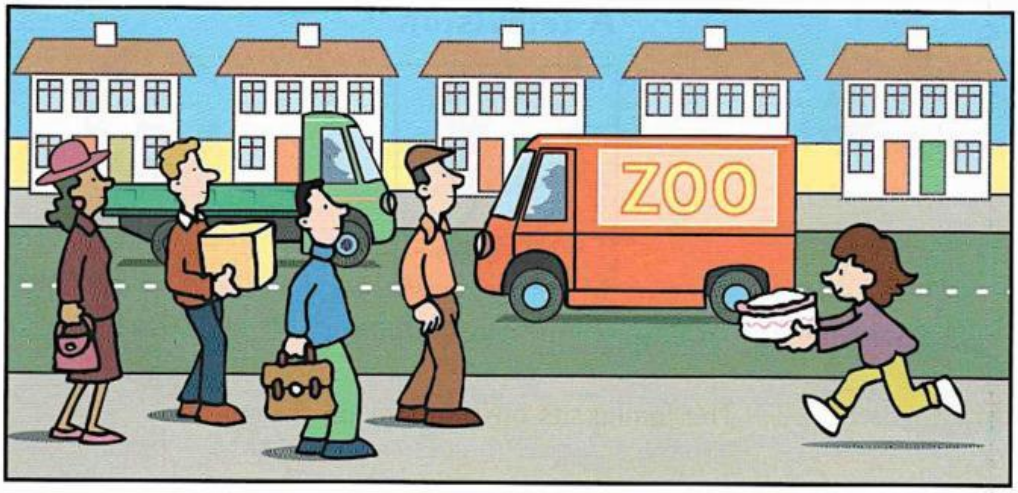
StarLink

AT THE PARTY - GRAMMAR & STARTERS WRITING
CAMBRIDGE WRITING PRACTICE

Part 5

– 5 questions –

Look at the pictures and read the questions. Write one-word answers.



Examples

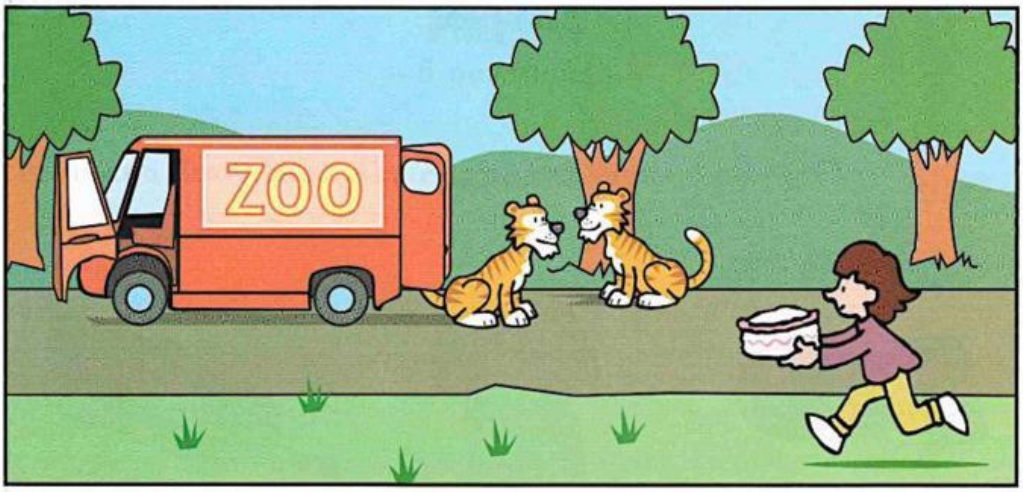
What is the woman wearing on her head? a hat

How many men are there? three

Questions

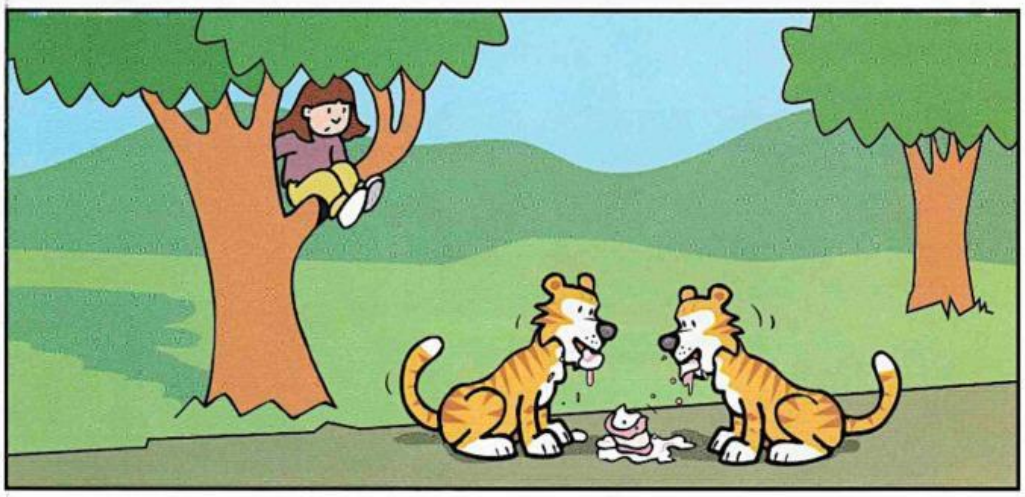
1 What colour is the girl's hair? ……

LIVEWORKSHEETS



2 How many tigers are there? .....

3 What are they doing? .....



4 Where is the girl? in a .....

5 What are the tigers eating? the .....

LIVEWORKSHEETS

Tên: ……...

Lớp: S2…

Ngày giao bài: Thứ…., ngày…./….

Ngày nộp bài: Thứ…., ngày…./….

Ngữ pháp: ……

Nghe: ……

Mini test: ……

AT THE PARTY - GRAMMAR & STARTERS WRITING

A. GRAMMAR:

❖ **Past simple questions of verbs** *(Câu hỏi dạng quá khứ đơn của động từ)*

- **Cách dùng:** Được sử dụng để hỏi về một sự việc **đã xảy ra và kết thúc trong quá khứ**.

Did you **travel** to Japan? → Yes, I/we **did**. → No, I/we **didn't**.	**Did** she/he/it **travel** to Japan? → Yes, she/he/it **did**. → No, she/he/it **didn't**.	**Did** he/she/it **travel** to Japan? → Yes, they/we **did**. → No, they/we **didn't**.

❖ **Past simple questions of to be** *(Câu hỏi dạng quá khứ đơn của to be)*

- **Cách dùng:** Được sử dụng để hỏi một **trạng thái** hay **sự việc đã diễn ra và kết thúc trong quá khứ.**

Were you at school yesterday? → Yes, I **was.**/we **were**. → No, I **wasn't.**/we **weren't**.	**Was** she/he/it at school yesterday? → Yes, she/he/it **was**. → No, she/he/it **wasn't**.	**Were** they/we at school yesterday? → Yes, they/we **were**. → No, they/we **weren't**.

* ***Dấu hiệu nhận biết:*** **last** night/week/month/year *(tối/tuần/tháng/năm trước)*, yesterday *(hôm qua)*
in + thời gian trong quá khứ *(in 2000: năm 2000)*
thời gian trong quá khứ + **ago** *(10 minutes ago: cách đây10 phút)*
this morning/afternoon *(sáng/chiều nay)*

B. EXTRA VOCABULARY

No.	Words	Meanings	No.	Words	Meanings
1	**sports centre** (n)	trung tâm thể thao	2	**café** (n)	quán cà phê

**Note:* *n = noun: danh từ.*
Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 DÒNG vào vở ghi.*

C. HOMEWORK

I. Match the questions with the suitable answers. *(Nối câu hỏi với câu trả lời phù hợp.)*

0. Was she at school yesterday?	A. No, they weren't.
1. Did he finish his homework?	B. No, I didn't.
2. Were they happy with the result?	C. Yes, she did.
3. Did you watch the movie last night?	*D. Yes, she was.*
4. Was the weather nice last weekend?	E. Yes, it was.
5. Did she enjoy the English class on Monday?	F. Yes, he did.

0. D	1.	2.	3.	4.	5.

LIVEWORKSHEETS

II. Choose the correct answers. *(Hãy chọn đáp án đúng.)*

0. _____ you eat breakfast this morning?
A. Were B. Was C. Did D. Didn't

1. Were _____ at home last Monday?
A. you B. he C. she D. I

2. Were they at the party last night? – Yes, _____.
A. they were B. they was C. they are D. they is

3. _____ he _____ football yesterday? - No, he didn't.
A. Was/played B. Was/play C. Did/played D. Did/play

4. Was it cold last weekend? - Yes, it _____.
A. was B. were C. did D. didn't

5. _____ you sick last week?
A. Was B. Were C. did D. didn't

III. Write short answers to the questions below. *(Viết câu trả lời ngắn cho các câu hỏi dưới đây.)*

00. Q: Did Sam travel to Tokyo last month? A: Yes, he did.	3. Q: Was it hot yesterday? A: Yes, _____.
0. Q: Were they late for their class? A: No, they weren't.	4. Q: Were they at home yesterday? A: No, _____.
1. Q: Did it rain last week? A: No, _____.	5. Q: Did you bake this cake? A: No, _____.
2. Q: Did Mr. Smith travel to work this morning? A: Yes, _____.	6. Q: Was she sleepy? A: No, _____.

IV. Write the following sentences in question form. *(Viết các câu sau ở dạng câu hỏi.)*

0. I watched TV last night.
→ Did you watch TV last night?

1. I enjoyed the party.
→ _____?

2. She was happy.
→ _____?

3. He finished work early.
→ _____?

4. They were at the party last night.
→ _____?

LIVEWORKSHEETS

Các con nghe bài ở link này: https://soundcloud.com/ms-chi-english/movers-1-new-test-1-part-2

Part 2

– 5 questions –

Listen and write. There is one example.



Sports centre

Boy's age: ..... 11 .....

1 Favourite sport: .....

2 Lives in: ..... Street

3 Comes to sports centre by: .....

4 Comes to sports centre after: .....

5 Often buys some: .....

LIVEWORKSHEETS